

Địa vị người phụ nữ trong giáo lý Đức Phật
Thích Nữ Huệ Hương

Chương III

**Tìm hiểu một số vấn đề dẫn đến sự hiểu biết sai
về địa vị người phụ nữ trong Phật giáo**

Nữ giới có một địa vị xứng đáng trong Phật giáo, điều này đã quá rõ ràng. Nhưng thực tế không phải không có những vấn đề khiến một số người chưa thâm nhập Phật pháp, hoặc một số người chỉ cười ngửa xem hoa hiều sai về địa vị người phụ nữ trong giáo lý Phật giáo, như vấn đề người nữ phải tuân thủ Bát kinh pháp, vấn đề mặt pháp sớm hơn năm trăm năm nếu nữ giới xuất gia, vấn đề người nữ bị năm điều chướng ngại....

Thực chất những vấn đề này như thế nào? Có phải người phụ nữ trong giáo lý Phật giáo chưa thật được bình đẳng? Hay vì chúng ta chưa hiểu hết ý Phật? Để được một nhận thức đúng đắn hơn về vấn đề trên, chúng ta nên lần lượt nghiên cứu những phần trong chương Ba này.

1. Vấn đề bát kinh pháp:

Trong Phật giáo, một vị Tỳ kheo ni bên cạnh việc thọ trì Giới bốn Patimokkha (Ba la đề mộc xoa) còn lãnh thọ thêm Bát kinh pháp (Garudhamma), trọn đời cung kính, tôn trọng không được vượt qua. Nội dung của tám điều cần tôn kính ấy là:

- ‘Dầu cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỳ kheo ni, đối với Tỳ kheo mới thọ đại giới trong một ngày ấy, cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, xử sự đúng pháp. Pháp này sau khi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, cho đến trọn đời không được vượt qua.
- Tỳ kheo ni không có thể an cư mùa mưa tại chỗ không có Tỳ kheo...
- Nửa tháng một lần, Tỳ kheo ni cần phải thỉnh chúng Tỳ kheo hỏi ngày trai giới và đến để thuyết giới...
- Sau khi an cư mùa mưa xong, Tỳ kheo ni cần phải làm lễ ‘tự tứ’ trước hai Tăng chúng về ba vấn đề được thấy, được nghe và nghĩ...
- Tỳ kheo ni phạm trọng tội, phải hành pháp man na đũa cho đến nửa tháng...
- Sau khi học tập sáu pháp trong hai năm, phải đến xin thọ cụ túc giới trước hai Tăng chúng...
- Không vì duyên cớ gì, một Tỳ kheo ni có thể mắng nhiếc, chỉ trích một Tỳ kheo...

- ...Có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ kheo về các Tỷ kheo ni, không có sự giáo giới phê bình giữa các Tỷ kheo ni về các Tỷ kheo...’ (20)

Có sự bất bình đẳng trong tám điều luật này, người vô văn phạm phu có thể nghĩ như vậy. Nhiều người đã căn cứ vào tám điều cung kính này và căn cứ trong luật Phật chế giới điều của Tỷ kheo ni nhiều hơn giới điều dành cho Tỷ kheo tăng mà cho rằng trong đạo Phật có sự kỳ thị nam nữ.

Thật ra cũng dễ hiểu, vì phái nữ có những điều kiện vật chất và tinh thần, tâm lý khác hẳn nam giới cho nên giới luật cũng khác nhau. Nếu ở trong nam giới, trí tuệ được đề cao thì đức tính được đề cao ở nữ giới chính là từ bi, bởi thế mà những hình tượng tượng trưng cho đức từ bi đều mang hình thù phụ nữ.

Nếu ở nam giới, lòng can đảm gan dạ, chí khí được tán dương thì ở nữ giới chính là sự nhẫn nhục ôn hòa, đức bao dung tha thứ. Nếu ở nam giới, sự ăn to nói lớn, hoạt bát hùng hồn là một đức tính thì trái lại, đức tính phái nữ nằm trong sự im lặng tự xóa mình. Nếu ở nam giới quyền lực uy phong được ca tụng thì ở nữ giới, đức tính cần thiết là nhũn nhận khiêm tốn, không xem mình là quan trọng.

Nhưng những đức tính vừa kể đối với nữ giới cũng có những mặt trái của nó. Chẳng hạn mặt trái của lòng từ bi có thể là sự si ái, lòng kiêu căng. Vì người phụ nữ đóng một vai trò quan trọng trong việc đem lại sự sống, nên họ dễ xem mình là tất cả, dễ nghĩ rằng không có ta đây thì không xong.

Lại nữa, ‘từ bi’ đôi khi bị đánh lừa bởi một lòng nguy tín để đi đến chỗ si ái, suýt mướn uỷ mị. Đức tính im lặng nhẫn nhục nơi phụ nữ có thể có bộ mặt trái của nó là sự chấp trước, phiền não, ôm khư khư một mối hận đến nỗi mang nó theo xuống tuyền đài và khiến cho phụ nữ khó giải thoát, khó ‘siêu thăng’ để nói theo từ ngữ Tịnh Độ.

Đức tính nhũn nhận khiêm tốn cần thiết nơi phụ nữ cũng thế, có thể có mặt trái là sự nhút nhát ý lại, tánh làm đờm, tự xem mình cần phải lệ thuộc vào một cái gì mới sống nổi. Chính vì muốn phát huy những đức tính và sửa trị những mặt trái những tính xấu nơi phụ nữ, mà đức Phật đã chế ra Bát kinh pháp và những giới luật riêng cho hàng nữ xuất gia. Ở đây, chúng ta có thể đi ngược dòng lịch sử để xét lý do vì sao đức Phật đã chế ra tám điều cung kính.

Chúng ta biết rằng, trong đoàn thể xuất gia đầu tiên của Phật không có hàng nữ lưu. Mỗi đến năm năm sau khi thành lập Tăng đoàn, bà đi và cũng là mẹ nuôi đức Phật, di mẫu Mahapajapati (Ma Ha Ba Xà Ba Đề), cùng với năm trăm nữ nhân dòng Thích Ca mới đến ngỏ lời cầu xin Phật cho phép được thể phát xuất gia. Phật từ chối và bỏ đi nơi khác.

Lần thứ hai khi nghe đức Phật đang ở Kỳ hoàn tịnh xá, di mẫu cùng năm trăm nữ nhân ấy từ xa xôi lặn lội, đi bộ rách cả gót chân, y phục lấm lem đất bụi, đến nơi đứng ngoài cửa khóc lóc thảm thương. Ngài A Nan thấy thế động lòng can thiệp giúp cho di mẫu và sau ba lần Ngài năn ni, Phật mới bằng lòng cho bà và năm trăm vị nữ nhân xuất gia với điều kiện phải tuân Bát kinh pháp. Điều này có nghĩa là gì? Tại sao đức Phật không độ người nữ xuất gia liền như nam giới mà lại tỏ thái độ từ chối đến ba lần?

Trước hết chúng ta thử suy nghĩ: phải chăng do Phật biết tâm lý kiêu căng có hữu của người phụ nữ, mặt trái của bản năng làm mẹ, ưa bảo bọc và tự cho mình quan trọng?

Bà Mahaprajapati là một vị đương kim thái hậu, lại là mẹ nuôi của Thái tử Tất Đạt Đa (đức Phật trước khi xuất gia). Bà đã nuôi nấng Thái tử từ khi mới ra khỏi lòng mẹ được bảy ngày. Như thế bà có đủ tất cả lý do để kiêu căng ngạo mạn khi bước vào hàng ngũ

xuất gia vậy. Nếu đức Phật không chế ra Bát kinh pháp thì điều gì có thể xảy ra? Chúng ta biết đó, nếu ở đời bà đương kim thái hậu này đã sai bảo được lính tráng quan hầu, thì không lý do gì khi vào đạo và lại là mẹ của Phật, bà lại không sai bảo được những vị tu sĩ đáng đầu con cháu bà? Do đó mà ta thấy một trong tám điều cung kính rất có ý nghĩa và chỉ có thể nhắm vào Kiều Đàm Di Mẫu (Mahaprajapati); điều ấy như vậy?: ‘Dù cho thọ đại giới một trăm năm, một Tỳ kheo ni đối với Tỳ kheo thọ giới trong một ngày, cũng phải đánh lễ, đứng dậy, chấp tay, xử sự đúng pháp’.

Bên cạnh ý nghĩa đã giải thích trên, một lý do nữa đã được đặt ra. Ở đây, chúng ta nên nhìn đức Phật ở cương vị một đức Phật lịch sử chúng ta sẽ thấy vấn đề này rõ hơn. Đức Phật lưỡng lự, từ chối đến ba lần mới cho nữ giới xuất gia, đâu phải Ngài trọng nam khinh nữ. Đó là Ngài đang tìm giải pháp thích hợp cho hàng nữ giới sau khi xuất gia sống đời Phạm hạnh trong Tăng đoàn.

Chúng ta cũng biết, vào thời ấy, xã hội Ấn Độ đang ở trong thời kỳ bán khai, người xuất gia phải rời bỏ gia đình, sống không gia đình trong rừng rú. Người nam tu sĩ có thể tự vệ chống bọn cướp, thú dữ, rắn rết ..., nhưng người tu nữ hoàn toàn không thể tự bảo vệ được mình, nên Phật đã dạy: ‘Tỳ kheo ni không thể an cư tại chỗ không có Tỳ kheo’. Và một lý do sâu xa khác của việc chế Bát kinh pháp là đức Phật muốn có sự cách biệt trong hòa khí giữa Tăng bộ và Ni bộ. Nữ giới hay thiên về sự quá đả; hoặc quá thân mật thì mất sự cung kính và lễ lớn, hoặc quá sơ thì dễ đi đến chỗ kiêu căng tự phụ cho rằng ta đây có thể tự lập không cần ai dắt dẫn. Do đó một điều cung kính khác trong tám pháp cung kính bắt buộc Ni chúng phải thành thạo đi đến Tỳ kheo tăng để xin chỉ giáo, để luôn luôn nhớ đến địa vị khất sĩ của mình, nghĩa là phải tâm cầu Chánh pháp.

Chúng ta được biết thêm, cũng chính trong kinh Bộ Tăng Chi này đức Thế Tôn đã giải thích lý do tại sao Ngài ban hành Bát kinh pháp:

‘Ví như, này Ananda, một người vì nghĩ đến tương lai xây dựng bờ đê cho một hồ nước lớn để nước không thể chảy qua, cũng vậy, này Ananda, vì nghĩ đến tương lai, Ta mới ban hành tám kinh pháp này cho các Tỳ kheo ni cho đến trọn đời, không được vượt qua’. (21)

Ngày nay trên cương vị của một người đi tìm Tuyệt đối ‘phàm xuất gia giả, phát túc siêu phương’, chúng ta cũng có thể nhận thấy Bát kinh pháp không có gì là quá đáng, và còn phải được lãnh hội một cách sâu xa hơn, ấy là: chúng ta phải kính trọng tất cả, vì điều trở ngại lớn nhất cho người tìm Đạo chính là thói kiêu mạn. Hơn nữa là người tu học giáo lý Vô ngã, thì những vị nữ tu sĩ nào thực tình muốn xóa bỏ ngã chấp không có lý do gì để mặc cảm về Bát kinh pháp, và vị nam tu sĩ nào thực tình là một con người đi tìm tuyệt đối cũng không có lý do gì để tự hào.

2. Vấn đề mặt pháp sớm hơn năm trăm năm:

Bây giờ ta khảo sát một câu nói khác trong kinh đã khiến cho nhiều người nghĩ rằng đức Phật bi quan với thân thể người nữ:

‘Này Ananda, nếu nữ nhân không được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật do Như Lai thuyết giảng, thời này Ananda, phạm hạnh được an trú lâu dài và diệu pháp được tồn tại đến một ngàn năm. Vì rằng này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nay này Ananda, diệu pháp sẽ được tồn tại năm trăm năm’. (22)

Thực sự có phải phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài và diệu pháp cũng chỉ được tồn tại năm trăm năm khi nữ giới xuất gia hay không? Điều này khó mà xác định được. Nhưng trên thực tế, với một câu kinh như vậy ít nhiều đã tác động cho người đọc cảm giác Phật giáo chưa thật sự dành quyền bình đẳng cho nữ giới. Ngay đây, chúng ta có thể hiểu được gì trong câu kinh trên?

Theo một số học giả, các kinh sách nói về sự tích bà Gotami và việc thành lập ni đoàn đều viết vào khoảng năm trăm năm sau Đại Bát Niết Bàn. Trong khi đức Phật giác ngộ dưới gốc bồ đề năm 423 trước Tây lịch. Năm năm sau, năm 418 trước Tây lịch, Ni đoàn được thành lập.

Các cuốn kinh thuật lại việc thành lập ni đoàn viết năm trăm năm sau, tức là vào khoảng cuối thế kỷ I Tây lịch, vào lúc trường phái nguyên thủy ở Ấn Độ nhường bước cho trường phái Đại thừa đang phát triển mạnh. Vì phát triển mạnh, bấy giờ, đề cao địa vị người nam trên tư thế người nữ. Bởi lẽ đó mà dư luận trọng nam khinh nữ được đem vào kinh. Vấn đề này, nếu đứng trên diện lịch sử, vẫn có khả năng xảy ra. Vì như chúng ta biết, tất cả kinh điển Phật giáo đã trải qua nhiều lần kết tập và được viết thành sách sau thời gian đức Phật Diệt độ và như vậy khó mà tránh khỏi những sự sai khác, nên bà C.A.F.Rhys Davids viết:

'Một trong những điều khó khăn nhất khi diễn dịch kinh Pali chính vì kinh có nhiều chỗ xuất xứ khác nhau, có nhiều chỗ sửa chữa, viết lại, nhìn qua thấy rõ ràng là đã bị thay đổi do các vị Tỷ kheo đến sau. Ta phải nhận cho rõ những nơi thay đổi do người đời sau gây ra hầu có thể tìm cách điều chỉnh. Do đó, nhiều đoạn kinh thiên vị rõ ràng nam giới, thiên vị rõ ràng tăng đoàn (so với cư sĩ), thiên vị rõ ràng người đàn ông so sánh với người đàn bà, và các đoạn kinh này được có trình bày như chính là lời đức Phật.' (23)

Thật là một lời bình khá mạnh mẽ. Nhưng dù sao vẫn là một lời bình và cũng trên vấn đề này chúng ta vẫn có thể có một quan điểm khác. Ở đây, ta nên tìm hiểu nguyên nhân phát sinh vấn đề lời tuyên bố phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài khi nữ giới xuất gia. Rõ ràng nếu chỉ trích ra một đoạn kinh vẫn nói về vấn đề này, thì chúng ta khó mà hiểu hết ý Phật. Nên biết, câu kinh trên cùng nằm trong kinh Gotami nói về việc thành lập ni đoàn và Phật đã từng dẫn đo với những lý do đã được giải thích ở phần Bát kinh pháp. Câu kinh này không phải đứng riêng lẻ, mà ngay tiếp theo là ví dụ của đức Phật:

'Ví như, này Ananda, những gia đình nào có nhiều phụ nữ ít đàn ông, thời những gia đình ấy rất dễ bị đạo tặc, trộm nghề nào hại. Cũng vậy, này Ananda, vì rằng nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, nên Phạm hạnh không được an trú lâu dài...' (24)

Ngay trong trường hợp này ta có thể khẳng định: câu kinh trên chỉ nhằm giải thích thêm cho sự quyết định chế ra tám điều cung kính cho phù hợp với căn cơ của người phụ nữ và như vậy sẽ không có một sự bất bình đẳng hay mâu thuẫn nào trong giáo lý Phật giáo. Vì rằng, cũng chính trong kinh Bộ Tăng Chi, khi giải thích cho Tôn giả Kimbila nguyên nhân khiến cho diệu pháp không còn tồn tại lâu dài sau khi Như Lai nhập diệt:

'Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ không cung kính, không tùy thuận bậc Đạo sư, sống không cung kính, không tùy thuận Pháp, sống không cung kính, không tùy thuộc chúng Tăng, sống không cung kính, không tùy thuận học pháp, sống không cung kính, không tùy thuận, sống phóng dật, sống không cung kính, không

tùy thuận tiếp đón. Nay Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khiến khi Như Lai nhập diệt, điều pháp không tồn tại lâu dài'. (25)

Và đến đây đức Phật cũng cho biết thêm nguyên nhân dẫn đến Chánh pháp tồn tại sau khi đức Phật nhập Niết bàn:

‘Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống cung kính tùy thuận đức Đạo sư, sống cung kính tùy thuận Pháp, sống cung kính tùy thuộc chúng Tăng, sống cung kính tùy thuận học pháp, sống cung kính tùy thuận không phóng dật, sống cung kính tùy thuận tiếp đón. Nay Kimbila, đây là nhân, đây là duyên, khiến khi Như Lai nhập diệt, điều pháp được tồn tại lâu dài’. (26)

Đến đây, chúng ta có thể xác định Chánh pháp có tồn tại lâu dài hay không tồn tại lâu dài, không nhất thiết là do có nữ giới xuất gia, mà điều này phụ thuộc vào việc từ chúng đệ tử Phật có tu theo chánh pháp hay không. Vì dù cho người nữ không xuất gia trong Pháp và Luật của Phật, nhưng nếu nam giới sống không cung kính, không tùy thuận Phật, Pháp, Tăng, đồng thời sống buông lung theo cảnh trần, thân, khẩu, ý tạo ra những nghiệp bất chánh, ... Chánh pháp có thể tồn tại lâu dài trong một Tăng chúng như vậy chăng?

3. Vấn đề ngũ chương:

Trong chương tìm hiểu một số vấn đề đưa đến sự hiểu sai về địa vị người phụ nữ trong giáo lý Phật giáo này, chúng ta đã lần lượt đi qua các vấn đề Bát kinh pháp và việc mặt pháp đến sớm hơn năm trăm năm, nay chúng ta tiếp tục bàn đến năm điều chương ngại của người phụ nữ. Đó là:

‘Này A nan, có năm việc nữ nhân không làm được. Nếu nói rằng nữ nhân được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế thích, Ma Vương hay Đại Phạm thiên, thì điều này nhất định không thể có. Nhưng có năm việc nam nhân làm được. Nếu nói rằng nam nhân được thành Như Lai, bậc Vô Sở Trước Đấng Chánh Giác, hoặc Chuyển luân vương, Thiên Đế thích, Ma Vương hay Đại Phạm thiên, thì điều này chắc chắn có thật’. (27)

Lại một vấn đề mang tính bất bình đẳng giữa người nữ với người nam phát sinh. Thực ra năm điều chương ngại ấy thật có đối với nữ giới không? Tại sao ngoài kinh Cù Đàm Di (Trung A Hàm II) kinh Mâu Ni Vương Nữ (Tăng Nhất A Hàm), lại có thêm kinh Không Thể Xây Ra của Kinh bộ Tăng Chi I đề cập đến:

‘Sự kiện này không xảy ra, này các Tỳ kheo, không có được: ‘Một phụ nữ có thể là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác’, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ kheo: ‘Người đàn ông có thể là bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác’, sự kiện này có xảy ra’.

‘Sự kiện này không xảy ra, này các Tỳ kheo, không có được: ‘Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương’, sự kiện này không xảy ra...

‘Sự kiện này không xảy ra, này các Tỳ kheo, không có được: ‘Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích ..., là Ác ma ..., là Phạm Thiên’, sự kiện này không xảy ra... (28)

Một phụ nữ không thể làm bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác, không thể làm Chuyển Luân Vương, làm Đế Thích, Ác ma, Phạm Thiên. Vì sao? Vì không đủ trí để lãnh

nhệm những ngôi bậc đó ư (A la hán, Chánh Đẳng Giác, Chuyển Luân Vương, Đệ Thích, Ác ma, Phạm Thiên là năm ngôi vị tượng trưng cho sự thành đạt lớn lao)? Nếu như vậy là đồng quan niệm với những gì Ác ma nói với Tỳ kheo ni Somà: người nữ không có trí làm sao có khả năng thành tựu chánh quả?

‘Địa vị khó chứng đạt,
Chi Thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt’ (29)

Sự thật là vậy chăng? Người phụ nữ không đủ trí đức, không đủ khả năng để hoàn thành những việc nam nhân làm chăng? Chúng ta nên lắng nghe Tỳ kheo Somà nói kệ đáp lời Ác ma:

‘Nữ tánh chướng ngại gì,
Khai tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu?
Ai tự mình tìm hỏi:
‘Ta, nữ nhân, nam nhân,
Hay ta là ai khác?’
Xứng nói chuyện Ác ma,
Ác ma thật cần xứng’. (30)

Phật tánh vốn đồng thì làm sao có thể có sự sai khác giữa các chúng sanh trong việc chứng ngộ chân lý. Nhưng trong thực tế, chúng ta cũng nên công nhận rằng đa số phụ nữ có xu hướng thiên về tình cảm, ít có tánh cương quyết nên cũng ít có khả năng lãnh đạo, tuy nhiên đó không phải là tất cả.

Như vậy, đứng trước vấn đề ngũ chương chúng ta có thể hiểu đây là một trong những trường hợp ‘tùy duyên thuyết pháp’. Sự giải thích này chắc chắn chưa làm thỏa mãn người đọc. Vì cũng có người nhận định một cách mạnh mẽ rằng vấn đề ngũ chương không do đức Phật thuyết giảng mà do người đời sau đem vào trong kinh: "Qua phương pháp phân tích, so sánh, các tác giả trên (giáo sư Kajiyamaywichi, học giả Diana Mary Paul, ...) kết luận là ý niệm ngũ chương tìm được trong một số kinh sách, khi có trong tạng Pàli lại thiếu trong Hán tạng, hoặc ngược lại, có trong Hán tạng lại thiếu trong Pàli tạng, chứng minh được là ngũ chương không phải là lời dạy của đức Phật vào thời nguyên thủy, mà chính là do đời sau đem vào kinh". (31)

Tuy nhiên, theo thiên ý người viết, năm điều chướng ngại, ràng buộc người phụ nữ dù cho đã được đức Phật đề cập trong kinh vẫn chỉ là dùng để thể hiện những quan điểm, những tư tưởng hoàn toàn bất lợi với người phụ nữ của thế gian và xã hội, mà trong Phật giáo thì ngược lại. Và chính điểm này ta mới thực sự thấy được việc đề cao giá trị đạo đức và khả năng đồng đẳng với nam giới của phụ nữ trong giáo lý Phật giáo là một điều chính đáng. Như trong kinh Tăng Nhất A Hàm II, Phật đã bác bỏ điều này qua việc đức Phật Bảo Tạng Như Lai thọ ký quả Phật cho Mâu Ni Vương Nữ:

‘Trong vô lượng số kiếp về sau, nhà người ra đời sẽ gặp Phật, và được đức Phật ấy thọ ký thành Phật’. (32)

Như vậy, trong chương ba này, chúng ta đã lần lượt tìm hiểu một số vấn đề khiến người học kinh khó mà tránh khỏi ý niệm sai lệch về quan điểm của đức Phật đối với người phụ nữ. Những vấn đề này tuy không phải là nhiều nhưng cũng đủ để cho người đã từng hiểu sai về đạo Phật xác định lại ý kiến của mình và rút ra kết luận đúng đắn nhất về địa vị người phụ nữ trong giáo lý Phật giáo.

-ooOoo-

[Mục lục](#) | [Dẫn nhập](#) | [1](#) | [2](#) | [3](#) | [4](#) | [Kết luận](#)

Source: Buddhism Today (<https://www.buddhismtoday.com>) & Quang-Duc (<https://www.quangduc.com>)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 29-04-2001